

Bản án số: 13/2018/DS-ST  
Ngày: 08/10/2018.  
V/v “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Văn Nghĩa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Quốc Huy và Bà Phạm Thị Chuộng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Chính Hường; Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2018 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018:

**\*. Nguyên đơn:**

1/. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1942.

2/. Anh Vũ Quang M, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3/. Anh Vũ Quang Tr, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

4/. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Hải Dương.

5/. Anh Vũ Văn B, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

*Bà X, anh M, anh Tr và chị H ủy quyền cho anh Vũ Văn B tham gia tố tụng, anh B có mặt tại phiên tòa.*

**\* Bị đơn:** Chị Phạm Thị L, sinh năm 1971.

Nơi ĐKKHKT: Khu 5 thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện tại: Số 1 đường M, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.  
*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án;**  
*Nguyên đơn trình bày:*

Bố anh là ông Vũ Quang Â, sinh năm 1945; đã mất vào tháng 01/2014. Khi bố anh còn sống có cho bà Phạm Thị L cùng chồng là ông Nguyễn Minh Đ vay một số

khoản tiền, cụ thể:

+ Ngày 19/8/2009 cho bà L, ông Đ vay số tiền 180.000.000đồng, thời gian vay 3 tháng; lãi suất 2,5%/01 tháng. Bà L, ông Đ có đưa cho bố anh giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Cao Thị G và Nguyễn Minh Đ để làm tin.

+ Ngày 07/9/2009 cho bà L, ông Đ vay số tiền 200.000.000đồng. Bà L và ông Đ thỏa thuận khi nào bố anh cần lấy lại số tiền trên thì sẽ trả lại đầy đủ.

+ Ngày 08/9/2009 cho bà L, ông Đ vay số tiền 300.000.000đồng. Vợ chồng bà L ông Đ cam kết thế chấp tại Giấy vay tiền là thế chấp toàn bộ tài sản đang sử dụng cho bố anh; và cam kết khi nào bố anh cần lấy lại số tiền trên thì sẽ hoàn trả đầy đủ.

+ Ngày 09/9/2009 bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Minh Đ vay của bố anh số tiền 50.000.000đồng; thời gian vay 03 tháng; lãi suất 3%/01 tháng.

+ Ngày 18/9/2009 bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Minh Đ vay của bố anh số tiền 200.000.000đồng; thời gian vay 03 tháng, lãi suất 3%/01 tháng. Cam kết tại Giấy vay tiền là thế chấp toàn bộ tài sản đang sử dụng.

- Năm 2011 bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Minh Đ ly hôn. Ông Đ và bà L đã thỏa thuận với nhau về phân chia tài sản chung vợ chồng được lập thành văn bản tại UBND thị trấn P, K, Hải Dương. Theo thỏa thuận này ông Đ tự nguyện giao toàn bộ quyền sử dụng đất là tài sản thuộc sở hữu chung giữa ông Đ và bà L là diện tích đất 219m<sup>2</sup> tại thửa đất số 07, 08 lô 9 tại khu dân cư dịch vụ thương mại văn hóa thị trấn Minh Tân, K, Hải Dương, ngày 12/8/2009 đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP883846 & AP 883854 cho bà L được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt; bà L phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ của vợ chồng ông Đ, bà L.

Năm 2014, khi bố anh chết thì không để lại di chúc gì liên quan đến việc khoản nợ ông Đ, bà L đã vay. Hàng thừa kế của bố anh gồm có: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1942 (là vợ); các con đẻ gồm có: Anh Vũ Quang M, sinh năm 1979; anh Vũ Quang Tr, sinh năm 1972; chị Vũ Thị H, sinh năm 1978 và anh (Vũ Văn B), sinh năm 1984. Mẹ và các anh chị đã lập văn bản cho anh để làm việc với Tòa án trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Theo Đơn khởi kiện thì anh xác định ngày 26/8/2009 vợ chồng ông Đ, bà L đã trả được cho bố anh số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng; việc trả số tiền nợ gốc này được ghi vào Giấy vay tiền ngày 19/8/2009. Tổng số tiền ông Đ, bà L vay của bố anh là 930.000.000đồng; đã trả tiền nợ gốc được 150.000.000đồng. Số tiền còn nợ là 780.000.000đồng.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh xác định năm 2011 bà L đã trả được cho bố anh thêm 100.000.000đ tiền nợ gốc, nên số nợ gốc hiện nay còn lại là 680.000.000đ.

Quá trình vay thì vợ chồng ông Đ, bà L thời gian đầu có trả tiền lãi đối với các khoản tiền vay theo như thỏa thuận tại các Giấy vay tiền, nhưng trước khi bố anh mất mấy năm thì đã không trả tiền lãi vay đối với các số tiền vay có thỏa thuận về lãi suất. Sau khi bố anh mất thì gia đình anh đã nhiều lần yêu cầu bà L phải trả cho gia đình số tiền còn nợ trên; bà L cũng vài lần về gia đình anh nói chuyện và hứa sẽ thanh toán,

tuy nhiên đến nay vẫn không thanh toán.

Do ông Đ, bà L đã có thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ và đã thỏa thuận, thống nhất với bố anh về việc bà L có nghĩa vụ thanh toán các khoản vay đó cho bố anh trước khi lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng nên anh yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả cho gia đình anh số tiền **680.000.000đồng**. Quan điểm của anh là bà L sẽ phải trả toàn bộ số tiền 680.000.000đồng trong thời hạn 24 tháng, số tiền nợ gốc sẽ chia đều cho 24 tháng và thanh toán tiền 02 tháng một lần.

Anh tự nguyện không yêu cầu bà L phải trả tiền lãi vay đối với tất cả các khoản tiền vay đã nêu trên.

**\* Quan điểm của bị đơn Phạm Thị L:**

- Bà L xác định trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Minh Đ thì bà và ông Đ có vay của ông Vũ Quang Á các khoản tiền như sau:

+ Ngày 19/8/2009 bà và ông Đ có vay của ông Á số tiền 180.000.000đồng, thời gian vay 3 tháng; lãi suất 2,5%/01 tháng. Bà và ông Đ có đưa cho ông Á giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Cao Thị G và Nguyễn Minh Đ để làm tin.

+ Ngày 07/9/2009 bà và ông Đ có vay của ông Á số tiền 200.000.000đồng; thỏa thuận khi nào ông Á cần lấy lại số tiền trên thì sẽ trả lại đầy đủ.

+ Ngày 08/9/2009 bà và ông Đ có vay của ông Á số tiền 300.000.000đồng; cam kết thế chấp tại Giấy vay tiền là thế chấp toàn bộ tài sản đang sử dụng cho ông Á; và cam kết khi nào ông Á cần lấy lại số tiền trên thì sẽ hoàn trả đầy đủ.

+ Ngày 09/9/2009 bà và ông Đ có vay của ông Á số tiền 50.000.000đồng; thời gian vay 03 tháng; lãi suất 3%/01 tháng.

+ Ngày 18/9/2009 bà và ông Đ có vay của ông Á số tiền 200.000.000đồng; thời gian vay 03 tháng, lãi suất 3%/01 tháng. Cam kết tại Giấy vay tiền là thế chấp toàn bộ tài sản đang sử dụng.

Năm 2011 bà và ông Nguyễn Minh Đ ly hôn, bà và ông Đ đã thỏa thuận với nhau về phân chia tài sản chung vợ chồng được lập thành văn bản tại UBND thị trấn P, K, Hải Dương. Theo thỏa thuận này ông Đ tự nguyện giao toàn bộ quyền sử dụng đất là tài sản thuộc sở hữu chung giữa ông Đ và bà là diện tích đất 219m<sup>2</sup> tại thửa đất số 07, 08 lô 9 tại khu dân cư dịch vụ thương mại văn hóa thị trấn Minh Tân, K, Hải Dương; ngày 12/8/2009 đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP883846 & AP 883854 cho bà được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt; bà phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ của bà và ông Đ.

Quá trình vay nợ thì ngày 26/8/2009 bà và ông Đ đã trả được cho ông Á số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng. Năm 2011 khi bà bán căn nhà ở Minh Tân, K, Hải Dương thì bà đem trả ông Á, bà X số tiền 100.000.000đ. Nay bà xác định số tiền nợ gốc các khoản vay của ông Á còn lại là: **680.000.000đ**.

Về trả lãi vay các khoản tiền trên: Sau khi vay các số tiền trên thì bà có thực hiện được việc trả tiền lãi đầy đủ được đến khoảng cuối năm 2010, sau đó do hoàn cảnh khó khăn nên bà có nói với ông Á, bà X thông cảm và thỉnh thoảng trả được cho ông Á, bà X được 500.000đồng đến 1.000.000đồng tiền lãi; chưa có điều kiện để

thanh toán tiền nợ gốc. Bà nhất trí việc bà X cùng các con yêu cầu bà thanh toán tiền nợ gốc là 680.000.000đ, không yêu cầu bà trả tiền lãi vay đối với số tiền trên. Vì khi bà và ông Đ ly hôn thì đã thỏa thuận bà có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền nợ trên. Nay ông A đã mất, bà vẫn xác định có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà X và các con. Hiện nay hoàn cảnh của bà rất khó khăn nên bà không thể trả được nhiều nên đề nghị tạo điều kiện trả dần tiền nợ gốc, hàng tháng trả từ 2.000.000đồng đến 3.000.000đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ tiền nợ gốc.

Tại phiên hòa giải, các đương sự thống nhất được với nhau về số tiền nợ gốc còn lại là 680.000.000đồng; không thống nhất được với nhau về phương thức trả nợ.

***Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định số tiền nợ gốc mà bà L phải có nghĩa vụ thanh toán theo các Giấy vay nợ chưa thanh toán là 680.000.000đ; không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay có thỏa thuận lãi suất.

- Bị đơn là bà Phạm Thị L vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về hướng giải quyết: Áp dụng Điều 274, 278, 280, 351, 357, 385, 398, 463, 464, 466, 468, 609, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 688; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người thừa kế theo pháp luật của ông Vũ Quang A (do anh Vũ Văn B là người đại diện theo ủy quyền). Buộc bà Phạm Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả cho anh Vũ Văn B số tiền nợ gốc còn lại là 680.000.000đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi suất đối với các khoản vay trên.

Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại anh Vũ Văn B tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án khởi kiện của những người được hưởng di sản thừa kế yêu cầu người có nghĩa vụ với người đã chết phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo hợp đồng dân sự nên thuộc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ đã thu thập xác định: Ông Vũ Quang A chết tháng 01/2014, hàng thừa kế hợp pháp được hưởng di sản thừa kế của ông Vũ Quang A là: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1942 (là vợ); các con đẻ gồm có: Anh Vũ Quang M, sinh năm 1979; anh Vũ Quang Tr, sinh năm 1972; chị Vũ Thị H, sinh năm 1978 và anh Vũ Văn B, sinh năm 1984. Di sản thừa kế của ông Vũ Quang A để lại là số

tiền cho ông Nguyễn Minh Đ và bà Phạm Thị L vay còn lại là 680.000.000đồng.

Các tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập cũng thể hiện: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Minh Đ đã thực hiện hợp đồng vay của ông Vũ Quang Â theo 05 Giấy vay tiền với tổng số tiền vay là 930.000.000đồng; những Giấy vay tiền này đều có chữ ký của ông Đ, bà L. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà L đều thừa nhận việc vay tiền của ông Â theo các Giấy vay tiền mà Nguyên đơn đã xuất trình. Khi bà L và ông Đ ly hôn đã có văn bản thỏa thuận tại UBND thị trấn P, K, Hải Dương. Theo nội dung thỏa thuận thì ông Đ tự nguyện giao toàn bộ quyền sử dụng đất là tài sản thuộc sở hữu chung giữa ông Đ và bà L là diện tích đất 219m<sup>2</sup> tại thửa đất số 07, 08 lô 9 tại khu dân cư dịch vụ thương mại văn hóa thị trấn Minh Tân, K, Hải Dương, ngày 12/8/2009 đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP883846 & AP 883854 cho bà L được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt; bà L phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ của bà và ông Đ. Do vậy, xác định bà Phạm Thị L tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn - là người phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay của người đã chết (ông Vũ Quang Â) cho những hàng thừa kế hợp pháp của ông Vũ Quang Â.

Bà Phạm Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn P, K, Hải Dương; hiện đang cư trú, sinh sống tại số 1 đường M, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án giải quyết, bà L và anh B đã thỏa thuận và có Đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết vụ án nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị L có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và quan điểm của các đương sự, xác định: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Minh Đ đã thực hiện các hợp đồng vay tài sản của ông Vũ Quang Â vào các ngày: Ngày 19/8/2009 vay số tiền 180.000.000đồng, thời gian vay 3 tháng; lãi suất 2,5%/01 tháng. Ngày 07/9/2009 vay số tiền 200.000.000đồng. Ngày 08/9/2009 vay số tiền 300.000.000đồng. Ngày 09/9/2009 bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Minh Đ vay số tiền 50.000.000đồng; thời gian vay 03 tháng; lãi suất 3%/01 tháng. Ngày 18/9/2009 vay số tiền 200.000.000đồng; thời gian vay 03 tháng, lãi suất 3%/01 tháng. Tổng số tiền bà L, ông Đ vay của ông Â là 930.000.000đồng; trong quá trình các bên thực hiện hợp đồng, ông Đ và bà L đã 02 lần thanh toán được cho ông Â với tổng số tiền là 250.000.000đ; số tiền còn nợ chưa thanh toán là 680.000.000đ. Giữa ông Đ và bà L khi ly hôn có thỏa thuận bằng văn bản về việc bà L có nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ chung vợ chồng, sự thỏa thuận này được Nguyên đơn chấp nhận và bà L cũng xác định giữ nguyên thỏa thuận này. Do vậy bà L phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền bà L và ông Đ đã vay của ông Â. Ông Vũ Quang Â chết tháng 01/2014 và bà L vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay nên buộc bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 680.000.000đồng cho hàng thừa kế hợp pháp được hưởng di sản thừa kế của ông Vũ Quang Â.

[3] Về lãi vay: Trong các hợp đồng vay tiền ngày 19/8/2009 vay số tiền 180.000.000đồng, thời gian vay 3 tháng; thỏa thuận lãi suất 2,5%/01 tháng. Ngày 09/9/2009 vay số tiền 50.000.000đồng; thời gian vay 03 tháng; thỏa thuận lãi suất 3%/01 tháng. Ngày 18/9/2009 vay số tiền 200.000.000đồng; thời gian vay 03 tháng, thỏa thuận lãi suất 3%/01 tháng. Quan điểm của Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất đối với những khoản vay trên, xét thấy sự tự nguyện của Nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp; bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1/. Căn cứ vào:**

+ Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Các Điều 274, 278, 280, 351, 357, 385, 398; 463, 464, 466, 609; 611; 612; 613; 614; 649; 650; 651; 688; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

2/. **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị X; anh Vũ Quang M; anh Vũ Quang Tr; chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn B (do anh Vũ Văn B là người đại diện theo ủy quyền).

Buộc Phạm Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay của ông Vũ Quang Á, chưa thanh toán được là 680.000.000đồng (*Sáu trăm tám mươi triệu đồng*) cho hàng thừa kế hợp pháp được hưởng di sản thừa kế của ông Vũ Quang Á là bà Nguyễn Thị X; anh Vũ Quang M; anh Vũ Quang Tr; chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn B.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

### **2. Về án phí:**

Bà Phạm Thị L phải chịu **31.200.000đ** (*Ba mươi một triệu hai trăm nghìn*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Vũ Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.600.000đ (*Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/201/0001788 ngày 09/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, Hải Dương.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Nguyên đơn; vắng mặt bị đơn. Đã báo cho Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6; 7; 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

**Nơi gửi:**

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Chu Văn Nghĩa***